TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **323**/2023/QĐST-DS	*Quận 1, ngày 23 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người là đã chết
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Bùi Thị Mai

Thư ký phiên họp: Bà Cao Thị Mỹ Trà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 211/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 6039/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Ngọc Phương V, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số E Đường C, Khu phố G, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Ngọc Phương T, sinh năm 1970
- Ông Trần Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số B đường P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông Bùi Ngọc Phương V đều trình bày:

Ông Trần Văn V1 (chết năm 1987) và bà Đoàn Thị T1 (chết năm 1992) có hai người con là Trần Thị T2 (chết năm 2019) và bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1958. Bà Trần Thị T2 có 03 người con là ông Bùi Ngọc Phương T, sinh năm 1970; ông Bùi Ngọc Phương V, sinh năm 1974 và ông Trần Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984

Bà Trần Thị Hồng C, không đăng ký kết hôn với ai, không chung sống với bất cứ ai và không có con, sinh sống tại địa chỉ Số B đường P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đã bỏ đi khỏi nhà từ ngày 08/3/1980, bỏ đi đâu không rõ. Gia đình đã dùng mọi biện pháp tìm kiếm khắp nơi, đăng tin trên báo và đài truyền hình nhưng đến nay đã hơn 40 năm nhưng gia đình vẫn không có bất kỳ tin tức xác thực là bà C còn sống. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị Hồng C là đã chết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Bùi Ngọc Phương T trình bày: Ông là con ruột của bà Trần Thị T2 và là cháu của bà Trần Thị Hồng C. Ông đồng ý với ông Bùi Ngọc Phương V về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị Hồng C là đã chết và đồng thời cam kết không có khiếu nại hay tranh chấp về các vấn đề gì liên quan. Hiện nay do thường xuyên đi làm

nên ông đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và phiên họp xét đơn yêu cầu.

- Ông Trần Nguyễn Tuấn A trình bày: Ông là con ruột của bà Trần Thị T2 và là cháu của bà Trần Thị Hồng C. Với yêu cầu của ông Bùi Ngọc P V yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị Hồng C là đã chết thì ông đồng ý và cam kết không có khiếu nại hay tranh chấp các vấn đề gì liên quan. Do ông có công việc riêng không thể sắp xếp nên đề nghị Tòa án mở phiên họp vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Bùi Ngọc Phương V yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1958, nơi cư trú cuối cùng tại Số B đường P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết. Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Các ông Bùi Ngọc Phương V, ông Bùi Ngọc Phương T, ông Trần Nguyễn Tuấn A có đơn xin vắng mặt tại phiên họp xét đơn yêu cầu. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp xét đơn yêu cầu vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự như các giấy khai sinh, giấy chứng tử, sổ hộ khẩu và văn bản của Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, , xét thấy:

[4] Ông Trần Văn V1 (chết năm 1987) và bà Đoàn Thị T1 (chết năm 1992) có hai người con là bà Trần Thị T2 (chết năm 2019) và bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1958.

[5] Bà Trần Thị T2 có 03 người con là ông Bùi Ngọc Phương T, sinh năm 1970; ông Bùi Ngọc Phương V, sinh năm 1974 và ông Trần Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984.

[6] Từ ngày 08 tháng 3 năm 1980, bà Trần Thị Hồng C không có mặt tại địa chỉ Số B đường P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đi đâu không lý do. Từ đó đến nay, ông Bùi Ngọc Phương V và gia đình không có bất kỳ thông tin gì về bà C, mặc dù đã tìm kiếm rất nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy, ông Bùi Ngọc P V yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị Hồng C là đã chết.

[7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc Phương T và ông Trần Nguyễn Tuấn A đồng ý với ông Bùi Ngọc Phương V về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị Hồng C là đã chết đồng thời cam kết không có khiếu nại hay tranh chấp các vấn đề gì liên quan.

[8] Do đó, ông Bùi Ngọc P V là người có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1958, nơi cư trú cuối cùng tại Số B đường P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết theo quy định tại khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Dân sự.

[9] Theo kết quả xác minh của Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh ngày 01 tháng 10 năm 1976 bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1958 có đăng ký thường trú tại Số B đường P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay bà C

không có mặt, không thực tế cư trú tại đây từ năm 1980 đến nay, đi không lý do, Công an Q đã xóa hộ khẩu. Theo Văn bản số 1393/CAQ1-QLHC ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Trần Thị Hồng C là con của ông Trần Văn V1 và bà Đoàn Thị T1.

[10] Ông Bùi Ngọc Phương V đã thực hiện các thủ tục: Đăng thông báo tìm người trên B số ngày 06, 07, 08 tháng 4 năm 2023; Đăng tin trên Đ Việt Nam thời gian phát vào khung giờ từ 06 giờ 30 phút đến 07 giờ 00 phút và khung giờ từ 14 giờ 30 phút đến 15 giờ 00 phút các ngày 06, 07, 08 tháng 4 năm 2023; Đăng tin trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn không có tin tức gì của bà Trần Thị Hồng C. Như vậy, bà Trần Thị Hồng C đã biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống. Căn cứ vào khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu tuyên bố bà Trần Thị Hồng C là đã chết của ông Bùi Ngọc Phương V là có cơ sở chấp nhận.

[11] Về xác định ngày chết của bà Trần Thị Hồng C: Theo lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh của Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Trần Thị Hồng C không có mặt tại địa phương từ ngày 08 tháng 3 năm 1980. Theo quy định tại khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Dân sự thì Tòa án xác định ngày chết của người bị tuyên bố là đã chết là ngày kế tiếp của ngày sau 05 năm kể từ ngày người đó biệt tích; thời hạn 05 năm được tính từ ngày biết tin tức cuối cùng về người đó, Do vậy, ngày chết của bà Trần Thị Hồng C được xác định là ngày 09 tháng 3 năm 1985.

[12] Theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Dân sự thì khi quyết định của Tòa án tuyên bố một người là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của người đó được giải quyết như đối với người đã chết; Quan hệ tài sản của người bị Tòa án tuyên bố là đã chết được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của người đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

[13] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Ngọc P V tuyên bố bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1958, nơi cư trú cuối cùng tại Số B đường P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

[14] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Ngọc Phương V phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 370, 371, 372, 391, 392, 393 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1 Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Bùi Ngọc Phương V,

Tuyên bố bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1958, nơi cư trú cuối cùng tại Số B đường P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

Ngày chết của bà Trần Thị Hồng C là ngày 09 tháng 3 năm 1985.

Khi quyết định của Tòa án tuyên bố một người là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của người đó được giải quyết như đối với người đã chết.

Quan hệ tài sản của người bị Tòa án tuyên bố là đã chết được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của người đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Ngọc Phương V phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2022/0003224 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Ngọc Phương V đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND nơi đã đăng ký hộ tịch;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Bùi Thị Mai